TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26/5/2023
Về việc: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trường
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lưu Văn Thảo
2. Bà Nguyễn Thị Liên
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Ngọc Lan – Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa*: Bà Trương Hồng Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 về việc: "Xin ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/QĐXX-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐHPT ngày 08/5/2023 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1991 (có mặt).

Trú tại: Tổ 1, thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành Phương A, sinh năm; 1984 (vắng mặt không có lý do);

NĐKNKTT: 225/10 Đào Duy A, phường Thuận L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trú tại: 314/12 Đường T, Khu phố 2, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

Tôi và ông Nguyễn Thành Phương A tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn năm 2020 tại UBND xã B, huyện T. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông A không lo làm ăn để phát triển kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vả với nhau. Nay tôi thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên xin ly hôn.

Về con chung: Tôi và ông A có 02 con chung Nguyễn Hà Phương V, sinh ngày: 23/7/2020; Nguyễn Hà Bảo V, sinh ngày: 03/4/2022. Nguyện vọng của tôi là xin nuôi 02 con và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi và ông Nguyễn Thành Phương A tự giải quyết, không yêu cầu Tòa điều chỉnh.

Về nợ chung: Tôi và ông Nguyễn Thành Phương A không có nợ chung.

** Theo bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thành Phương A trình bày:*

Về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẩn tôi thống nhất với lời trình bày của bà H. Tôi thấy sai xin sửa sai, bản thân tôi còn thương vợ con nên tôi mong vợ chồng bỏ qua mâu thuẩn để đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: **:** Tôi và bà H có 02 con chung Nguyễn Hà Phương V, sinh ngày: 23/7/2020; Nguyễn Hà Bảo V, sinh ngày: 03/4/2022. Nguyện vọng của tôi là mong vợ chồng đoàn tụ làm ăn nuôi con, nếu có căn cứ Tòa xử ly hôn tôi có nguyện vọng xin nuôi 01con Nguyễn Hà Phương V, sinh ngày: 23/7/2020 và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật. Bị đơn không chấp các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H, xử cho bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thành Phương A ly hôn.

- Về con chung: Xử giao cho bà H nuôi 02 con chung Nguyễn Hà Phương V, sinh ngày: 23/7/2020; Nguyễn Hà Bảo V, sinh ngày: 03/4/2022 đến 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu ông Nguyễn Thành Phương A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thành Phương A không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thành Phương A khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn ông Nguyễn Thành phương A đang tạm trú tại số nhà 314/12 Tiểu La (khu phố 2), thị trấn H, huyện T. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thành Phương A tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam như vậy hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẩn. Bà H cho rằng nguyên nhân mâu thuẩn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không tôn trọng lẫn nhau, ông A không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cải vả xúc phạm nhau. Bà H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên xin được ly hôn với ông Nguyễn Thành phương A. Về phía ông Nguyễn Thành Phương A xin khắc phục mâu thuẩn để vợ chồng đoàn tụ làm ăn. Xét việc xin ly hôn của bà H và yêu cầu xin đoàn tụ của ông A thì thấy: Khi mâu thuẩn xảy ra thì bà H và ông A nhiều lần ngồi lại bàn bạc, tìm hướng khắc phục nhưng vẫn sống không hạnh phúc. Ông A xin đoàn tụ nhưng không có thiện chí, ông A không níu kéo hạnh phúc mà bỏ về quê ở Thành phố Huế để sinh sống. Bà H và ông A sống ly thân nhau cho đến nay khoảng 03 tháng không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẩn vợ chồng của bà H và ông A ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà H xin ly hôn là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của ông Nguyễn Thành Phương A.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thành Phương A có 02 con chung tên Nguyễn Hà Phương V, sinh ngày: 23/7/2020; Nguyễn Hà Bảo V, sinh ngày: 03/4/2022. Nguyện vọng của bà H yêu cầu được nuôi 02 con chung, nguyện vọng của ông A nếu Tòa xử cho ly hôn thì ông A xin nuôi 01 con chung Nguyễn Hà Phương V, sinh ngày: 23/7/2020. Xét nguyện vọng nuôi con của bà H và ông A thì thấy: Cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ nuôi con chung, không phân biệt trai gái hay bất cứ điều kiện gì khác, việc nuôi con phải phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng nuôi dưỡng của cha, mẹ. Hiện nay bà H đang ở nhà cha mẹ, chổ ở ổn định, bà H đang làm chủ tiệm Spa nên thu nhập hằng tháng ổn định đảm bảo khả năng để nuôi 2 con chung, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẩn thì 02 con ở chung với bà H và ông A. Khi Tòa đưa quyết định đưa vụ án ra xét xử thì ông A bồng 01 con chung Nguyễn Hà Phương V về Huế để sinh sống. Hiện nay 02 con chung chưa đủ 36 tháng tuổi và là con gái nên theo quy định của pháp luật thì phải giao mẹ nuôi dưỡng. Do đó, xét giao cho bà H nuôi dưỡng 2 con Nguyễn Hà Phương V, sinh ngày: 23/7/2020; Nguyễn Hà Bảo V, sinh ngày: 03/4/2022 đến 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với Điều 81, 82, 83 luật HN&GĐ Việt Nam.

* Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên Tòa Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu ông Nguyễn Thành Phương A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thành Phương A không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thành Phương A khai không có nên không xét.

Án phí LHST: 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng y)* xét buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí LHST 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu số 0006191 ngày 30/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[3] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H, xử cho bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thành Phương A ly hôn.

2. Về con chung: Xử giao cho bà Nguyễn Thị Thu H nuôi 02 con chung Nguyễn Hà Phương V, sinh ngày: 23/7/2020; Nguyễn Hà Bảo V, sinh ngày: 03/4/2022 đến 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu ông Nguyễn Thành Phương A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án phí LHST: 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng y)* xét buộc bà Nguyễn Thị Thu Hà H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí LHST 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu số 0006191 ngày 30/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận trích sao bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Thăng Bình
- THADS huyện Thăng Bình
- Những người tham gia tố tụng
- UBND Xã B.
- Lưu hồ sơ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa
(Đã ký và đóng dấu)